

Bản án số: **61/2020/DS-ST**.

Ngày: 23/6/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh Dũng**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông **Lê Văn Thành**.

+ Ông **Trần Thanh Tùng**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Bùi Quốc Hiến** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLST-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị **Đoàn Thị Ngọc H**, sinh năm: 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Khu X, thị trấn Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn A**, sinh năm 1974 (có mặt).

Chị **Huỳnh Thị C**, sinh năm: 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Z, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**I/ Phần trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị L cũng như người đại diện ủy quyền hợp pháp của bà là chị Đoàn Thị Ngọc H trình bày thống nhất:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 06/01/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà L và chị H trình bày:*

Ngày 30/4/2014, vợ chồng anh A và chị C mở và làm đầu thảo dây hui tiền, mỗi phần là 2.000.000đ. Dây hui có 17 phần, bà L góp 1 phần. Đến kỳ khai hui thứ 16 thì bà L hốt hui được 32.000.000đ. Vợ chồng anh A và chị C chỉ giao cho bà L 2.000.000đ còn nợ lại 30.000.000đ thì ngưng không trả nữa.

Đến ngày 11/9/2018 bà L có yêu cầu địa phương hòa giải để phía bị đơn trả nợ, Sau đó có trả được 2.000.000đ. Còn lại 28.000.000đ.

Nay bà L yêu cầu vợ chồng anh A và chị C liên đới trả cho bà 28.000.000đ và trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

## **II/ Phần trình bày của bị đơn:**

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn An và chị Huỳnh Thị Cthừa nhận là vợ chồng chị có mở và làm đầu thảo dây hụi ngày 30/4/2014, hụi tiền, mỗi phần là 2.000.000đ. Bà L có góp 1 phần, sau đó bà L hốt được 32.000.000đ, vợ chồng anh chị có trả cho bà L 02 lần là 4.000.000đ. Hiện còn nợ lại 28.000.000đ như bà L khai là đúng. Nay kinh tế chị gặp khó khăn xin trả dần mỗi tháng 300.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng dân sự:**

##### **- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Bà L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi với anh A và chị C có địa chỉ tại ấp X, xã Z, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

Nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu anh A và chị C liên đới trả 28.000.000đ tiền nợ hụi, chứng minh bằng danh sách hụi viên ngày 30/5/2014, Biên bản hòa giải của ấp Mỹ Tường, xã Mỹ Trung ngày 11/9/2018. Bị đơn anh A và chị C xác định sau khi bà L hốt hụi được 32.000.000đ, chị có trả cho bà L được 2.000.000đ. Sau khi hòa giải tại ấp A chị có trả tiếp cho bà L được 2.000.000đ nữa. Hiện còn nợ bà L 28.000.000đ đúng như lời trình bày của bà L là đúng. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hiện anh A và chị C còn nợ bà L 28.000.000đ tiền hụi là có căn cứ và đúng với các chứng cứ có trong hồ sơ khởi kiện.

- Xét yêu cầu của bà L đòi anh A và chị C liên đới trả nợ cho bà. Nhận thấy anh A và chị C là vợ chồng tham gia hợp đồng góp hụi nhằm tạo nguồn vốn phát triển kinh tế gia đình. Mặt khác theo theo bà L khai khi tham gia hợp đồng góp hụi là do anh A và chị C cùng làm đầu thảo thu tiền góp hụi và giao (trả) tiền hốt hụi cho hụi viên. Tại phiên tòa hôm nay anh A và chị C cũng đồng ý liên đới trả nợ cho bà L. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở buộc anh A và chị C liên đới trả lại số tiền hụi còn nợ cho bà L là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

- Xét yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn bà L.

Nhận thấy theo bà L là khi góp hụi hai bên thỏa thuận: Người hụi viên phải góp hụi đầy đủ tiền hụi khi đến kỳ khai hụi và được nhận tiền hụi khi hốt hụi; Người làm đầu thảo có trách nhiệm giao đủ tiền cho hụi viên khi hụi viên hốt hụi và được hưởng tiền hoa hồng theo thỏa thuận. Như vậy khi bà L hốt hụi được 32.000.000đ. Nhưng anh A và chị C chỉ trả được 02 lần là 4.000.000đ thì ngưng không trả nữa cho đến nay. Cho thấy anh A và chị C là người có lỗi đã vi phạm nghĩa vụ cam kết ban đầu khi giao kết hợp đồng góp hụi. Nay anh A và chị C xin trả dần mỗi tháng 300.000đ, không được bà L chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử cần anh A, chị C liên đới trả cho bà L 28.000.000đ tiền nợ hụi một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật là đúng quy định pháp luật là phù hợp với quy định tại các Điều 26 và 27 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L, nên bị đơn anh A và chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Xét thấy anh A và chị C có đơn xin giảm một phần tiền án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn được xác nhận của địa phương. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giảm cho anh A và chị C 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 357; 468 và 471 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 26 và 27 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

- Buộc anh Huỳnh Văn A và chị Huỳnh Thị C liên đới trả cho bà Trần Thị L số tiền hui còn nợ là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng).

Thời gian trả: Trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh A, chị C chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh A và chị C liên đới phải chịu 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003018 ngày 21/01/2020 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự bà L, anh A và chị C được quyền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**PHẠM THANH DŨNG**